

MỘT SỐ YẾU TỐ ĐỊA-CHÍNH TRỊ CỦA VIỆT NAM: NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN

PGS. TS. Hoàng Khắc Nam

Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ xưa người ta đã nhận thấy có mối liên hệ giữa hoàn cảnh vật chất, đặc biệt là điều kiện địa lý với hành vi chính trị của con người. Bởi thế, việc nghiên cứu về mối liên hệ này được bắt đầu từ rất sớm và dần dần dẫn đến sự ra đời của địa - chính trị học (*Geopolitics*) từ cuối thế kỷ XIX.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc nhận thức và áp dụng lý thuyết cũng như cách tiếp cận địa-chính trị là khá muộn, chủ yếu là từ những năm đầu thế kỷ XXI. Cho đến nay, việc nhận thức về địa-chính trị vẫn còn chưa thực sự rõ ràng. Các nghiên cứu liên quan đến địa-chính trị hiện nay chủ yếu theo hai hướng: Hướng thứ nhất cho rằng tất cả những hoạt động và động thái chính trị trên một không gian địa lý nào đó đều có thể được coi là địa-chính trị. Hướng này có xu hướng cho tất cả các vấn đề chính trị quốc tế vào địa-chính trị. Dù không có tuyên bố rõ ràng song đa phần các nghiên cứu liên quan đến địa-chính trị ở Việt Nam đi theo hướng này. Các nghiên cứu theo hướng này cũng chủ yếu là vận dụng các quan điểm về địa-

chính trị mà không có khung lý thuyết rõ ràng nào.

Trong khi đó, hướng thứ hai có xu hướng hẹp hơn khi tập trung chủ yếu vào tác động qua lại giữa địa lý với chính trị. Tuy nhiên, so với hướng trên, hướng này có ít nghiên cứu hơn nhiều. Có khá ít công trình chuyên biệt về đối tượng này mà thường là những luận điểm về vấn đề cụ thể nào đó được lồng ghép trong một nghiên cứu rộng hơn cả về đối tượng lẫn phạm vi. Nghiên cứu địa-chính trị ở đây cũng tập trung chủ yếu trong lĩnh vực chính trị quốc tế hơn là chính trị đối nội. Các công trình nghiên cứu về lý thuyết lại còn ít hơn nhiều. Các lý thuyết nếu có cũng là những lý thuyết của phương Tây có từ thời cận đại trở về trước.

Với tình hình nghiên cứu địa-chính trị như vậy, nhận thức về địa-chính trị ở Việt Nam còn nghèo nàn là điều không tránh khỏi. Việc vận dụng các luận điểm địa-chính trị vào nghiên cứu hay hoạch định chính sách vừa thiếu, vừa cảm tính cũng là điều dễ hiểu.

Bài viết này không có tham vọng khắc phục các vấn đề trên. Đó là một công việc đòi hỏi công sức của nhiều người với một quá trình lâu dài mà chỉ hi vọng bước đầu làm rõ hơn vai trò của một số yếu tố địa lý đối với chính trị quốc tế và áp dụng phần nào đó vào trường hợp của Việt Nam. Các yếu tố địa lý có nhiều nhưng do khuôn khổ có hạn của bài viết, chúng tôi xin phép chỉ đề cập đến ba yếu tố trong số đó là: vị trí địa lý, diện tích đất đai và địa mạo.

1. Vị trí địa lý

Trong số các yếu tố địa lý, vị trí được coi là yếu tố quan trọng nhất bởi có khả năng đem lại những ưu thế khá lớn cho vị thế quốc gia. Trên bình diện quốc tế, vị trí địa lý còn mang thêm ý nghĩa chiến lược nếu vị trí này ảnh hưởng lớn đến lợi ích nước khác và được nhiều nước cần đến. Vị trí địa lý liên quan đến quyền lực trên cả hai phương diện quân sự và kinh tế. Về quân sự, đó là vị trí thuận lợi để tiếp cận, tiến công đối thủ hoặc phòng thủ hiệu quả để có thể ngăn chặn hoặc hạn chế sự tấn công của kẻ địch. Vị trí như vậy giúp nâng cao năng lực quân sự của quốc gia trong quan hệ an ninh với các quốc gia khác. Vào thế kỷ XVIII-XIX, khi hải quân chưa phát triển, chỉ với eo biển Mangse rộng khoảng 20 dặm cũng đủ giúp Anh tránh được nhiều cuộc chiến tranh lớn ở lục địa châu Âu, đặc biệt là cuộc tấn công của Pháp dưới thời Napoleon. Nhờ đó, Anh đã vượt lên các cường quốc châu Âu và trở thành cường

quốc số một. Tương tự như vậy, vị trí đảo quốc của Nhật Bản cũng giúp nước này không bị Trung Quốc đô hộ trực tiếp trong suốt chiều dài lịch sử. Đến thời Cận đại, Nhật Bản mạnh lên và quay sang xâm lược Trung Quốc. Trường hợp khác là nước Mỹ đã thoát khỏi việc trở thành chiến trường và là cường quốc duy nhất không bị tàn phá trong cả hai cuộc thế chiến. Mỹ giữ được nguyên sức mạnh nhiều mặt sau chiến tranh và nhờ đó trở thành siêu cường sau năm 1945.

Về kinh tế, vị trí có ý nghĩa đối với quyền lực khi nó đem lại cơ hội thu lời và phát triển kinh tế như các địa điểm gần trung tâm sản xuất hàng hoá lớn, nằm trên các tuyến vận tải quốc tế, tiếp cận tài nguyên dễ dàng... Vị trí địa lý như vậy đem lại giá trị kinh tế và giúp quốc gia nâng cao năng lực kinh tế. Singapore là một nước nhỏ nhưng là điển hình của việc lợi dụng tốt vị trí địa lý cho sự phát triển và cả an ninh của mình. Gần như không có tài nguyên nhưng Singapore đã trở nên giàu có nhờ nhiều vào việc khai thác được vị trí địa lý chiến lược của eo Malacca và nằm trên hải lộ thông thương quan trọng của thế giới. Không những thế, sự an ninh của eo Malacca rất quan trọng đối với các cường quốc có nhiều hàng hóa và dầu mỏ qua lại nơi đây nên an ninh của Singapore cũng được đảm bảo theo. Gần giống như vậy, Ai Cập đã thu lợi kinh tế khá nhiều và vị thế quốc tế cũng được gia

tăng có phần nhờ việc quốc hữu hóa kênh đào Suel từ năm 1956. Cũng với cách nghĩ như vậy, năm 2006, Panama đã chủ trương mở rộng kênh đào Panama nhằm tăng lưu lượng vận tải hàng hoá qua đây – một kế hoạch mà thành công sẽ đem thêm thu nhập và khả năng nâng cao vị thế của nước này...

Ngoài ra, vị trí địa lý còn được thể hiện trong khoảng cách và điều này cũng ảnh hưởng đến quyền lực và chính sách đối ngoại. Ở gần các nước lớn dễ rơi vào tình trạng thất thế, trong khi xung quanh là các nước nhỏ hơn thì lại dễ kích thích xu hướng bá quyền.

Bởi vai trò như vậy, việc kiểm soát được các vị trí chiến lược đem lại khả năng có được quyền lực quốc tế và lợi thế cho quốc gia trong chính trị quốc tế. Việc không kiểm soát được các vị trí đó sẽ ảnh hưởng đáng kể đến vai trò và khả năng thực thi lợi ích đối ngoại của quốc gia. Vì thế, tranh chấp quyền kiểm soát các vị trí này thường xuyên xảy ra trong quan hệ quốc tế (QHQT), đặc biệt trong quan hệ giữa các cường quốc. Sự tranh chấp về chế độ eo biển quốc tế đi ra Địa Trung Hải giữa đế quốc Nga với các cường quốc phương Tây trong thời cận đại là một ví dụ điển hình. Lịch sử đã cho thấy, vị trí địa lý luôn được coi trọng trong việc duy trì và khuếch trương vị thế quốc gia.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của vị trí địa lý hoàn toàn có thể thay đổi do điều kiện địa-chính trị và địa kinh tế thay đổi. Trong mỗi

liên quan giữa vị trí địa lý và vị thế quốc gia, có ba điểm đáng chú ý. *Thứ nhất*, vị trí địa lý có sự liên quan đáng kể với lợi ích và nhận thức của các nước lớn. Ví dụ, vai trò trước kia của khu vực Địa Trung Hải giảm đi có liên quan nhiều đến sự suy vong của đế quốc Hy Lạp, đế quốc La Mã và đế quốc Ottoman. Trong khi đó, tầm quan trọng tăng lên của khu vực Châu Á-Thái Bình Dương trong thế kỷ XX có sự gắn bó nhất định với sự nổi lên của các cường quốc khu vực như Nhật Bản và Trung Quốc cũng như lợi ích tăng lên của Mỹ và Liên Xô ở khu vực này. *Thứ hai*, tầm quan trọng của vị trí địa lý cũng chịu tác động của các nguyên nhân kinh tế và khoa học-kỹ thuật. Nếu dầu mỏ làm gia tăng vị thế của vùng Vịnh thì sự phát triển kinh tế của các nước Đông Bắc Á đã làm cho bán đảo Triều Tiên trở nên quan trọng. Đối với khoa học - kỹ thuật như vũ khí hay giao thông liên lạc, sự phát triển của vũ khí hiện đại như tên lửa vượt đại châu (ICBM) mang đầu đạn hạt nhân đã làm cho khoảng cách đại dương không còn nhiều ý nghĩa phòng thủ như trước kia. Trong khi đó, sự phát triển các phương tiện hàng hải hiện đại lại giúp làm tăng tầm quan trọng của các eo biển quốc tế. *Thứ ba*, vị trí thuận lợi có thể đem lại cơ hội và năng lực cho quốc gia nhưng cũng có thể trở thành địa bàn tranh chấp giữa các thế lực quốc tế, và từ đó là sự suy yếu về quyền lực. Trung Đông có tầm quan trọng chiến lược nên đã trở thành địa bàn tranh chấp của nhiều cường quốc. Anh, Pháp đã gây chiến

với Ai Cập năm 1956 để cứu vớt sự hiện diện của họ tại đây. Liên Xô cũng đã từng mong muốn có tiếng nói ở đây qua việc ủng hộ các nước Arab chống Israel trong Chiến tranh Lạnh. Còn Mỹ thì suốt từ năm 1945 đến nay luôn tìm cách can thiệp vào khu vực này để gia tăng ảnh hưởng và đảm bảo các lợi ích của mình. Không chỉ cạnh tranh với Liên Xô, Mỹ còn sẵn sàng hất các đồng minh của mình là Anh, Pháp ra khỏi khu vực này. Kết quả là các quốc gia trong vùng luôn phải đối mặt với tình trạng căng thẳng và xung đột kéo dài cho đến ngày nay.

Việt Nam có vị trí địa lý tương đối quan trọng do nằm trên điểm nối giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, do nằm trải dài trên bờ Biển Đông có nhiều tài nguyên và tuyến vận tải quan trọng, do có tiềm năng kinh tế đủ sức hấp dẫn các nước khác đến kinh doanh; Nhưng có một điểm nữa làm nên vị trí địa lý nhạy cảm của Việt Nam – đó là nằm kề Trung Quốc. Chính việc tìm đường vào Trung Quốc từ phía nam là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam năm 1858 – mở đầu thời kỳ thực dân đô hộ kéo dài gần 100 năm. Cũng chính nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của phe XHCN và nước CHND Trung Hoa sau thống nhất năm 1949 mà từ năm 1950, Mỹ đã tìm cách nhay vào Việt Nam với hậu quả là một cuộc chiến tranh đẫm máu, ác liệt và kéo dài nhất thế giới kể từ sau 1945 mà nhân dân Việt Nam phải hứng chịu. Lịch sử Việt Nam đã nhiều lần bị “biến dạng” bởi sự can thiệp

của các nước lớn mà vị trí địa-chính trị là một nguyên nhân.

Tuy nhiên, có thể thấy tầm quan trọng của vị trí địa lý của Việt Nam cũng có sự thay đổi theo thời kỳ. Trong Chiến tranh Lạnh, Việt Nam có vị trí khá quan trọng khi là nơi tranh chấp quyết liệt ảnh hưởng giữa hai phe TBCN và XHCN, nhất là giữa ba cường quốc Mỹ-Xô-Trung. Vị trí này có phần giảm đi kể từ khi Mỹ giảm bớt sự hiện diện ở đây và sau đó là Liên Xô. Tuy nhiên, trong vài năm gần đây, vị trí này lại có sự tăng lên nhất định do kinh tế Việt Nam và khu vực phát triển cũng như tiềm năng dầu mỏ ở Biển Đông được ghi nhận; đồng thời, do Việt Nam là hướng chính trong sự phát triển thế lực khu vực của Trung Quốc trong khi Mỹ đang tìm cách ngăn chặn và kiềm chế Trung Quốc tại đây. Vì thế Việt Nam lại đang có nguy cơ trở thành tâm điểm của tranh chấp địa-chính trị Mỹ-Trung. Và một lần nữa, điều này đang tạo nên mối đe dọa lớn nhất cho an ninh của Việt Nam.

Trong bối cảnh hợp tác kinh tế quốc tế và hội nhập khu vực đang tăng lên, chúng ta có thể quan tâm nhiều hơn tới việc nâng cao vị trí địa-kinh tế của nước nhà. So với vị trí địa-chính trị là cái phụ thuộc nhiều hơn từ các nhân tố bên ngoài, đặc biệt là các nước lớn, vị trí địa-kinh tế là cái chúng ta có thể chủ động tạo ra và nâng cao khi đưa Việt Nam trở thành một phần khúc quan trọng trong chuỗi giá trị kinh tế khu vực và toàn

cầu. Nhiều khi lợi ích kinh tế đem lại đủ lớn sẽ giúp làm tăng vai trò địa-chính trị.

Mặc dù vai trò của vị trí địa lý có thể thay đổi, song ý nghĩa nói chung của nó đối với chính trị quốc tế vẫn được duy trì trong thời hiện đại. Khi lợi ích quốc gia ngày càng được mở rộng ra bên ngoài biên giới, vị trí địa lý càng trở thành vấn đề quan trọng trong QHQT. Đây là điểm khiến cho vị trí địa lý vẫn giữ được vai trò của nó đối với chính trị quốc tế nói chung, đối với quyền lực quốc gia nói riêng.

2. Diện tích đất đai

Diện tích đất đai rộng là một yếu tố làm nên thuật ngữ “nước lớn”. Tuy không tất yếu dẫn đến nước mạnh (cường quốc), nhưng diện tích lớn đem lại cho quốc gia khả năng tăng trưởng quyền lực để trở thành cường quốc, hoặc ít nhất các nước khác sẽ khó khăn hơn nhiều khi muốn áp đặt ý chí của mình lên quốc gia rộng lớn đó. Về mặt quân sự, diện tích rộng thường là miếng mồi quá lớn và khó nuốt. Diện tích rộng đem lại khả năng khó bị đánh bại hoàn toàn bằng giải pháp quân sự qua một cuộc chiến tranh. Trong thế kỷ XVIII-XIX, Trung Quốc vẫn giữ được độc lập nhất định trước làn sóng thực dân phương Tây có phần bởi không một đế quốc thực dân nào đủ sức độc chiếm quốc gia rộng lớn này. Nước Nga đã không bị thất bại trước các thế lực bá chủ châu Âu là nước Pháp của Napoleon (1812) và nước Đức của Hitler (1941-1945) cũng nhờ có diện tích

rộng lớn trải dài trên hai lục địa Á, Âu. Có thể nói hơi cường điệu rằng diện tích rộng lớn của nước Nga đã góp phần “nuốt chửng” hai đạo quân mạnh nhất thế giới khi đó.

Về mặt kinh tế, diện tích lớn đem lại khả năng mở rộng địa bàn canh tác nông nghiệp và không gian phát triển công nghiệp. Ngoài ra, diện tích lớn cũng có thể đem lại nhiều tiềm năng tài nguyên. Trừ trường hợp Nhật Bản, các cường quốc hiện nay đều có nguồn tài nguyên khá đáng kể. Những quốc gia rộng lớn hiện nay như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Canada, Australia,... đều có nhiều tài nguyên, điều này cần thiết cho sự phát triển năng lực kinh tế của quốc gia.

Bên cạnh đó, diện tích rộng cũng tạo thuận lợi cho các thành tố quyền lực khác. Diện tích rộng, chiều dài bờ biển lớn, tiếp giáp với nhiều nước, khả năng tiếp cận các huyết mạch giao thông và các địa điểm chiến lược cao đã đem lại vị trí địa lý thuận lợi cho quốc gia. Diện tích rộng tạo điều kiện cho một dân số đông, đem lại khả năng có được nguồn nhân lực lớn.

Lịch sử cho thấy, các cường quốc có quyền lực quốc tế lớn hầu như đều có diện tích đáng kể. Các đế quốc lớn trong lịch sử đều chiếm hữu diện tích rộng và đều tìm cách mở rộng thêm bờ cõi. Đế quốc Ai Cập dưới thời Pharaoh Ahmose đã từng mở rộng phía nam xuống Sudan, phía đông tới Canaan ở Israel. Đế quốc Mesopotamia phát triển từ thời vua Sargon kéo dài từ Syria đến

vịnh Persic. Đế quốc Ba Tư đã từng có lãnh thổ trải dài từ Bắc Phi, qua Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Á tới tận bắc Ấn Độ. Đế quốc Hy Lạp dưới thời Alexander Đại Đế đã chinh phục nhiều vùng quanh Địa Trung Hải và tiến sang châu Á tới tận Ấn Độ. Đế quốc La Mã tồn tại khoảng 5 thế kỷ với lãnh thổ bao gồm khoảng một nửa châu Âu và nhiều vùng rộng lớn ở Bắc Phi, Trung Đông và sang cả Lưỡng Hà. Đế quốc Mông Cổ từ thế kỷ XIII đã trở thành đế quốc lớn nhất trong lịch sử khi hiện diện từ bờ Thái Bình Dương ở phía đông sang Trung Âu ở phía tây, phía bắc chiếm Nga và phía nam tiến xuống Ấn Độ. Đế quốc Trung Quốc từ thời nhà Minh qua nhà Thanh cũng mở rộng bờ cõi ra nhiều vùng rộng lớn ở phía tây và phía bắc, đưa Trung Quốc trở thành một nước lớn như hiện nay. Đế quốc Ottoman nổi lên từ cuối thế kỷ XIII đã từng có lãnh thổ trải từ vùng Balkan ở châu Âu sang vùng Lưỡng Hà ở châu Á và xuống đến Ai Cập ở Bắc Phi...¹

Đến thời cận đại, diện tích lớn như một thành tố quan trọng của quyền lực có phần còn được đề cao hơn. Thậm chí, cuối thế kỷ XIX còn xuất hiện một lý thuyết có đề cập về mối tương quan giữa quyền lực và diện tích đất đai. Năm 1897, nhà địa-chính trị học

người Đức Friedrich Ratzel (1844-1904) xuất bản cuốn “Địa lý chính trị” (*Politische Geographie*), trong đó diện tích đất đai được Ratzel coi là biểu hiện rõ nhất quyền lực của một quốc gia. Ratzel cho rằng quốc gia giống như thực thể hữu cơ và có sự phát triển, vì thế quốc gia phải chiến đấu không ngừng để mở rộng đất sống. Đây là lý do cho sự bành trướng của quốc gia. Qua cuộc đấu tranh này cũng như sự đào thải tự nhiên, các quốc gia nhỏ sẽ bị thôn tính và chỉ còn lại một số quốc gia mạnh. Các cường quốc này sẽ lại lao vào cuộc đấu tranh để giành ngôi bá chủ hoàn cầu.² Như vậy, trong cuộc đấu tranh giành đất đai, biên giới chỉ có ý nghĩa tạm thời. Bành trướng lãnh thổ được coi là cần thiết để mở rộng “không gian sinh tồn”, đáp ứng cho yêu cầu ngày một phát triển của quốc gia.³ Cách nhìn nhận quốc gia và lãnh thổ theo kiểu chủ nghĩa Darwin Xã hội (*Social Darwinism*) kể trên khá phổ biến ở các nước châu Âu và Mỹ thời bấy giờ và cũng chi phối khá đáng kể chính sách đối ngoại của những nước này. Và đương nhiên, đây cũng là thời kỳ chúng ta được chứng kiến nhiều nhất các cuộc chiến tranh, xâm chiếm thuộc địa, mở rộng bờ cõi ra khắp thế giới của các cường quốc phương Tây.

¹ Trong lịch sử, có một vài trường hợp dường như là ngoại lệ. Bồ Đào Nha và Hà Lan là những quốc gia có diện tích nhỏ nhưng vẫn trở thành đế quốc. Không cạnh tranh được ở châu Âu, hai nước này đều tìm cách bổ sung sự hạn chế về lãnh thổ bằng công cuộc xâm chiếm thuộc địa. Trên thực tế, hai quốc gia này chỉ là những “đế quốc thuộc địa” mà thôi chứ không hẳn là cường quốc ở châu Âu.

² Lewis M. Alexander, *Mô thức chính trị thế giới*, Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam dịch và xuất bản, Sài Gòn 1963, tr.7-8.

³ Lý luận về tính hữu cơ của quốc gia sau này cũng được Đức Quốc xã sử dụng để biện minh cho sự gầy, chiến của mình là để mở rộng không gian sinh tồn theo quy luật tự nhiên.

Trong thời hiện đại, vai trò này của diện tích đất đai với tư cách lãnh thổ quốc gia không còn như trước mà thay vào đó, ý nghĩa của diện tích đất đai như khu vực ảnh hưởng, thị trường và nguồn tài nguyên lại tăng lên. Kết quả là cố gắng thôn tính đất đai giảm đi cùng với sự tăng lên của cố gắng tiếp cận thị trường và mở rộng khu vực ảnh hưởng. Tuy nhiên, do nhu cầu tài nguyên và thương mại biển tăng lên nên tranh chấp lãnh thổ biển cũng gia tăng với tình trạng tranh chấp lãnh thổ biển với cùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa khá phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới.

Cho dù vai trò của diện tích rộng đối với quyền lực quốc gia không còn như trước, nhưng ý nghĩa của nó vẫn còn chỗ đứng. Thực tế hiện nay vẫn cho thấy, các cường quốc hàng đầu thế giới vẫn là những quốc gia có diện tích đáng kể. Trong một số phương án cải tổ Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc sau Chiến tranh Lạnh, các nước như Ấn Độ ở châu Á, Brazil ở châu Mỹ, Nigeria hay Nam Phi ở châu Phi đã có tên như đại diện cho các châu lục với sự ủng hộ khá đáng kể. Đây là những nước có năng lực kinh tế và quân sự vừa phải nhưng lại có diện tích rộng. Điều này cho thấy diện tích rộng vẫn là một trong những yếu tố làm nên địa vị nước lớn.

Rõ ràng, diện tích đất đai rộng là một điều kiện thuận lợi cho quyền lực quốc gia, nhưng đó không phải là điều kiện quyết định. Vô số trường hợp cho thấy diện tích lớn

không tự động biến quốc gia thành cường quốc như Sudan, Kazakhstan, Mông Cổ... Không những thế, diện tích lớn nhưng dân số ít lại đem lại điểm yếu trong vấn đề kiểm soát đất nước như trường hợp Canada, Australia,... Và có nhiều quốc gia diện tích nhỏ nhưng vẫn có thể nâng cao vị thế của mình trong bản đồ quyền lực thế giới nhờ những thành tố khác. Các con rồng châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Hongkong) là những ví dụ của sự nổi lên bằng thành tố kinh tế hay khoa học. Israel ở Trung Đông là ví dụ về việc khẳng định vị thế khu vực bằng năng lực quân sự, kinh tế và khoa học.

Diện tích Việt Nam thuộc loại trung bình, đứng hàng thứ 66 trên thế giới. Việt Nam có diện tích khoảng 331.212km², bao gồm khoảng 327.480km² đất liền và hơn 4.200km² biển nội thủy với hơn 2.800 hòn đảo và bãi đá ngầm. Thềm lục địa của Việt Nam khoảng trên 1 triệu km², gần gấp ba lần diện tích đất liền. Bờ biển Việt Nam dài 3.260km, biên giới đất liền dài 4.510km. Trên đất liền, từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam (theo đường chim bay) dài 1.650km, từ điểm cực Đông sang điểm cực Tây nơi rộng nhất 600km (Bắc bộ), 400 km (Nam bộ), nơi hẹp nhất 50km (Quảng Bình).

Với một diện tích như vậy, không quá lạc quan về sự đóng góp của diện tích cho vị thế của Việt Nam, nhưng cũng không quá bi quan về những bất lợi của một nước có diện

tích trung bình. Chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục các bất lợi này bằng việc nâng cao các năng lực khác như kinh tế và khoa học-công nghệ cũng như mở rộng hợp tác toàn diện với các nước khác, nhất là các nước trong khu vực. Bản thân những hạn chế về diện tích còn có thể khắc phục bằng việc quy hoạch khoa học và có tầm nhìn, chính sách sử dụng đất đai hợp lý và hiệu quả.

Tuy nhiên, trong vấn đề diện tích đất đai và lãnh thổ, Việt Nam đang phải đối mặt với một số vấn đề. Ví dụ, trên diện tích như vậy nhưng dân số khá lớn dẫn đến mật độ dân số Việt Nam thuộc loại cao khi lên tới 259 người/km² vào năm 2009, đứng hàng thứ ba ở khu vực Đông Nam Á (chỉ sau Singapore và Philippines) và lại phân bố không đều⁴. Mật độ dân số như vậy sẽ gây ra nhiều vấn đề cả về kinh tế, xã hội lẫn chính trị. Một vấn đề lớn khác là tình trạng tranh chấp lãnh thổ với các quốc gia xung quanh, trong đó đáng kể nhất là vấn đề Biển Đông – một vấn đề đang ảnh hưởng nhiều đến không chỉ chính trị đối nội và đối ngoại của Việt Nam mà còn đến cả nền chính trị quốc tế trong khu vực và trong quan hệ giữa các cường quốc.

3. Địa hình, địa mạo

Ý nghĩa của địa hình, địa mạo đối với quốc gia đã được đề cập đến từ thời cổ đại. Aristote đã từng cho rằng địa hình, địa mạo

là yếu tố quy định nên đơn vị chính trị. Xuất phát từ thực tế chính trị và địa lý của Hy Lạp cổ đại, ông cho rằng trong vùng có nhiều địa hình khác nhau thì thường có nhiều khu vực chính trị hơn là một khu vực địa lý. Ông cũng cho rằng một quốc gia cần sống trong vùng đồi núi bao quanh để có Thiên giới tự nhiên, tránh bị tấn công và có cửa bể để phát triển thương mại.⁵

Đến thời cận đại, ý tưởng về sự liên quan giữa địa hình, địa mạo đối với quyền lực quốc tế vẫn được tiếp tục và phát triển. Ví dụ, trong thế kỷ XVIII-XX, quan điểm về mối liên quan giữa đại dương và quyền lực quốc tế đã trở nên phổ biến. Nước Nga dưới thời Pie Đại đế đã trở thành cường quốc châu Âu khi tiến ra được biển Baltic và Hắc Hải. Nước Mỹ trên con đường trở thành cường quốc đã vận dụng luận thuyết của Alfred Thayer Mahan (1840-1914), nhấn mạnh vai trò quan trọng của chiều dài bờ biển và địa hình các cửa biển đối với sự tăng trưởng quyền lực quốc gia. Xuất phát từ thực tế nước Anh mạnh lên nhờ hàng hải, Mahan đã đưa ra nhiều khuyến nghị quan trọng cho nước Mỹ như phát triển hàng hải và kiểm soát được mặt biển thì mới có được quyền lực quốc tế, chiếm đảo Hawaii, đảo kênh ở Trung Mỹ để đi lại dễ dàng giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương... Chính nhận thức về tầm quan trọng của biển đã dẫn đến cuộc chạy đua hải quân và cạnh tranh quyền

⁴ Tổng cục Thống kê, *Báo cáo kết quả chính thức tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009*, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmi=2&ItemID=9782>

⁵ Lewis M. Alexander, *Sđd*, tr. 6.

kiểm soát biển cả trong thời cận đại và cả hiện đại. Ngoài ra, yếu tố địa hình cũng đã được đưa vào ít nhiều trong thuyết Miền đất Trái tim (*Heart Land*) của học giả người Anh Halford Mackinder (1861-1947). Theo thuyết này, trái tim của thế giới là vùng chạy từ biển Baltic và Hắc Hải ở phía tây sang sông Ienisey ở Siberia thuộc Nga ở phía Đông, phía bắc từ Bắc Băng Dương xuống những rặng núi chạy ngang từ Thổ Nhĩ Kỳ tới Mông Cổ. Mackinder cho rằng ai thống trị được Miền đất Trái tim sẽ thống trị được cả thế giới.⁶

Địa hình, địa mạo tác động tới vị thế và quyền lực quốc gia theo nhiều cách khác nhau. Nó đem lại ưu thế hoặc hạn chế hơn cho quốc gia trong việc nâng cao sức mạnh của mình. Tác dụng của nó cũng khác nhau tùy theo hoàn cảnh chính trị và kinh tế. Quốc gia có nhiều đồng bằng sẽ thuận lợi hơn trong việc phát triển kinh tế, đặc biệt trong nền văn minh nông nghiệp. Nhưng địa hình bằng phẳng không đem lại lợi thế thiên nhiên trong việc phòng thủ quốc gia. Quốc gia có địa hình núi non hiểm trở có thể dễ dàng trong việc phòng thủ và chống ngoại xâm nhưng điều này cũng hạn chế khả năng tập trung nguồn lực, phát triển kinh tế và mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài. Quốc gia có chiều dài ven biển lớn cũng thuận lợi hơn trong việc nâng cao năng lực của mình qua thương mại và quan hệ đối ngoại, nhất là từ

thời cận đại. Đó là các trường hợp của Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha hay Hà Lan. Trong khi quốc gia có chiều dài ven biển nhiều nhưng địa hình hiểm trở thì đó không còn là thuận lợi như trường hợp Na Uy chẳng hạn. Ngược lại, bờ biển dài và thuận lợi lại dễ bộc lộ nhiều điểm có thể bị tấn công. Cuộc đổ bộ của Mỹ và liên quân tại bãi biển Inchon tháng 9/1950 trong cuộc chiến tranh Triều Tiên là một ví dụ. Vào thời điểm này, quân đội CHDCND Triều Tiên đã kiểm soát được trên 90% lãnh thổ bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, ba mặt là biển cùng với đường bờ biển quá dài đã làm giảm khả năng phòng thủ. Cuộc đổ bộ này đã cắt ngang hông quân đội CHDCND Triều Tiên và góp phần xoay chuyển cục diện chiến tranh gần như ngay tức thì.

Địa hình, địa mạo cũng tác động nhất định đến khả năng quân sự, ít nhất là trong quá khứ. Ví dụ, địa hình thảo nguyên và lối sống du mục đã giúp Mông Cổ có lực lượng kỵ binh mạnh và nhờ đó đã trở thành đế quốc từ thế kỷ XIII. Địa hình đảo quốc với chiều dài ven biển nhiều đã giúp Anh phát triển hàng hải, hải quân. Nhờ sự phát triển của thương mại xuyên đại dương và lực lượng hải quân mạnh, Anh đã trở thành cường quốc thế giới trong thời cận đại. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ (1945-1973), người Việt Nam đã biết cách biến địa hình thành một ưu thế quân sự của mình. Cho đến ngày nay, địa hình, địa mạo vẫn là yếu tố quan trọng đối với chiến tranh thông thường

⁶ Lewis M. Alexander, Sdd, tr.11-12.

khi người ta vẫn phải lựa chọn vũ khí, chiến thuật và kỹ thuật tác chiến cho phù hợp với những điều kiện địa hình cụ thể.

Địa hình, địa mạo cũng tác động nhất định đến sự phát triển QHQT và từ đó là khả năng tiếp thu các thành tựu từ bên ngoài cho phát triển cũng như khả năng phát huy ảnh hưởng ra bên ngoài. Các cường quốc châu Âu đã làm được điều này từ xa xưa có phần nhờ địa hình trên lục địa tương đối thuận lợi cho việc đi lại xuyên quốc gia. Trong khi đó, tình hình tương tự không diễn ra ở Đông Nam Á do địa hình cách trở của khu vực này.

Nhưng cũng giống như các yếu tố địa lý trên, địa hình, địa mạo không có tính quyết định đối với quyền lực quốc gia mà thường chỉ đóng vai trò như điều kiện. Nó có thể đưa đến thuận lợi hoặc hạn chế đối với quốc gia trong việc nâng cao các năng lực của mình. Cho dù vẫn còn ý nghĩa nhất định nhưng tác động của địa hình đối với quyền lực quốc gia đã giảm đi nhiều trong thời hiện đại bởi sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Sự phát triển của các phương tiện giao thông trên mọi địa hình, các máy móc thông tin trong mọi điều kiện, các vũ khí thông minh và có sức công phá lớn,... đã hạn chế vai trò của địa hình, địa mạo. Tuy nhiên, vai trò địa-kinh tế của địa hình lại có xu hướng tăng lên. Trong thời buổi làm ăn kinh tế, địa hình, địa mạo thuận lợi vẫn là yếu tố có giá trị khi giúp làm giảm giá thành hay thu hút đầu

tu,... Và khi vai trò kinh tế của địa lý tăng lên, nó lại tác động sang lĩnh vực chính trị, bởi thực tế, kinh tế và chính trị ngày càng có sự tương tác chặt chẽ với nhau.

Địa hình, địa mạo của Việt Nam gồm cả thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển sức mạnh tổng hợp của đất nước. Về đại thể, thuận lợi nhiều hơn khó khăn. Chiều dài bờ biển khoảng 3.260 km, địa hình không quá phức tạp, cứ khoảng 20 km lại có cửa sông. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Tuy nhiên, để phòng thủ đất nước đòi hỏi phải phát triển sức mạnh hải quân hơn nữa. Địa hình đất nước với 3/4 diện tích là đồi núi cũng đem lại những thuận lợi nhất định cho việc phòng thủ đất nước nhưng lại không thích hợp cho việc phát triển kinh tế của những vùng này. Đồng bằng tuy chỉ chiếm 1/4 nhưng với vùng đồng bằng sông Hồng khoảng 15.000 km² và đồng bằng sông Cửu Long trên 40.000 km² cũng đủ sức đảm bảo phát triển nông nghiệp cho cả nước.

Việt Nam có những vùng địa hình khác nhau nhưng lại là quốc gia thống nhất nên không có sự khác biệt đáng kể về quan niệm chính trị giữa các vùng miền. Tuy nhiên, dưới tác động của địa-văn hóa và địa-nhân văn, với chủ nghĩa địa phương và tâm lý vùng miền khá rõ rệt và do điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau, hoàn toàn có thể có những khác biệt trong hành vi chính trị và ứng xử chính trị giữa các vùng miền. Cho dù những sự khác nhau này chỉ thường là trong những

vấn đề cụ thể và không lớn nhưng cũng là điều cần được tính đến để đảm bảo *"nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"*.

Kết luận

Như vậy, điều kiện địa lý có thể đem lại thuận lợi hoặc hạn chế khác nhau cho quốc gia trong việc xây dựng quyền lực của mình. Điều kiện địa lý vẫn có thể đem thêm lợi thế cho quốc gia trong việc củng cố sức mạnh và nâng cao vị thế quốc tế. Quốc gia vẫn tiếp tục phải tính đến các yếu tố địa lý trong QHQT. Bởi thế, điều kiện địa lý vẫn tiếp tục đóng vai trò là thành tố của quyền lực và có ý nghĩa đáng kể trong việc nâng cao vị thế quốc gia. Tuy nhiên, các yếu tố địa lý này chỉ có tính cách hỗ trợ chứ không mang tính quyết định. Hơn nữa, những phát triển của thế giới hiện đại cũng làm giảm đáng kể tác động của điều kiện địa lý tới chính trị quốc gia và quốc tế. Thực tiễn cũng chứng tỏ điều này, không có quyền lực của một quốc gia hay khu vực địa lý nào là bất biến, không một tác động địa lý nào không thể không điều chỉnh được.

Tuy nhiên, do sự tương tác ngày càng chặt chẽ lẫn nhau giữa các lĩnh vực trong đời sống xã hội, nhất là do sự nổi lên của kinh tế và tác động ngày càng tăng của nó tới chính trị, việc nghiên cứu và đánh giá tác động địa-chính trị cần được đặt trong cách tiếp cận liên ngành và đa ngành, trong đó cần đặc biệt chú ý tới sự tương tác giữa địa-kinh tế với địa-chính trị. Cách tiếp cận như vậy giúp đem lại cái nhìn đầy đủ hơn về vai trò của địa lý đối với chính trị trong thời hiện đại.

Đối với Việt Nam, các yếu tố địa lý này vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đáng kể đến các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và đối ngoại của đất nước. Vì thế, dù không thể là duy nhất nhưng cách tiếp cận địa-chính trị trong nghiên cứu và hoạch định chính sách vẫn cần được quan tâm hơn và cần phải được đặt trong cái nhìn đa ngành và liên ngành. Đồng thời, việc tham khảo các lý thuyết đã có cũng là cần thiết. Tuy nhiên, do các lý thuyết này phần lớn là của phương Tây, chủ yếu ra đời trong thời cận đại nên việc áp dụng vào thực tiễn Việt Nam cũng cần có sự cân nhắc và chọn lọc.